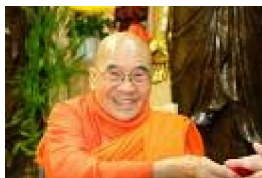


SA DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC THƯỢNG HẠ
Đệ-Tử, Bồ-Tát-giới, chùa Vân-Thê Sa-Môn Châu-Hoàng Biên-Tập.



HT. Tâm-Châu Việt Dịch
Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>
Chuyển sang ebook 13-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

THIÊN TRÊN: CỬA GIỚI-LUẬT

GIỚI THỨ NHẤT: KHÔNG SÁT SINH

GIỚI THỨ HAI: KHÔNG TRỘM CẮP

GIỚI THỨ BA: KHÔNG DÂM DỤC

GIỚI THỨ TƯ: KHÔNG NÓI DỐI

GIỚI THỨ NĂM: KHÔNG UỐNG RƯỢU

GIỚI THỨ SÁU: KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA HƯƠNG, KHÔNG THOA HƯƠNG VÀO MÌNH

GIỚI THỨ BẢY: KHÔNG CA, VŨ, XƯỚNG KỸ, KHÔNG ĐI XEM, NGHE

GIỚI THỨ TÁM: KHÔNG NGỒI GIƯỜNG CAO, RỘNG, LỚN

GIỚI THỨ CHÍN: KHÔNG ẪN PHI THỜI

GIỚI THỨ MƯỜI: KHÔNG CÀM GIỮ ĐỒ SINH, TƯỢNG, VÀNG, BẠC, CỦA BÁU

THIÊN DƯỚI NÓI VỀ MÔN UY-NGHI

1. KÍNH BẠC ĐẠI SA-MÔN

2. THỜ THÀY

3. THEO THÀY XUẤT-HÀNH

4. NHẬP CHÚNG

5. THEO CHÚNG DỪNG CƠM

6. LỄ BÁI

7. NGHE PHÁP

8. TẬP HỌC KINH-ĐIỂN

9. NHẬP TỰ-VIỆN

10. VÀO THIÊN-ĐƯỜNG, TÙY CHÚNG

11. CHẤP-TÁC

12. VÀO NHÀ TẮM

13. VÀO NHÀ XÍ

14. NÀM NGỦ

15. QUANH LÒ SƯỜI
16. Ở TRONG PHÒNG
17. ĐẾN CHÙA NI
18. ĐẾN NHÀ NGƯỜI
19. KHÁT-THỰC
20. VÀO NƠI TỰ-LẠC
21. ĐI CHỢ MUA ĐỒ
22. LÀM VIỆC, KHÔNG ĐƯỢC TỰ-DỤNG
23. THAM HỌC PHƯƠNG XA
24. DANH-TƯỚNG Y VÀ BÁT

---o0o---

Nay bộ sách yếu-lược này, do Vân-Thê Đại-Sư rút ra từ trong kinh Sa-Di Thập-Giới và các kinh khác. Bộ này, nghĩa rất thiết-yếu mà văn giản-lược, rất tiện cho Sa-Di sơ-cơ tập-học và dễ như xem quả trong bàn tay.

Xét thấy Sa-Di có ba bậc

1. Từ bảy tuổi đến mười ba tuổi, gọi là Khu-Ô Sa-Di (Sa-Di đuổi quạ). Nghĩa là tuổi còn nhỏ chưa biết làm việc gì khác, chỉ sai Sa-Di này vì chúng-tăng giữ gìn thóc lúa và, làm việc nơi nhà nấu ăn, nơi ngồi thiền ... cũng như xưa đuổi chim quạ, thay thế chút nhọc mệt cho chúng-tăng, sinh thêm phước lành và, không để ngồi không, tiêu-dùng của tín-thí và uổng-phí thời-gian vậy.

2. Từ mười ba tuổi đến mười chín tuổi gọi là Ứng-Pháp Sa-Di. Nghĩa là tuổi này thích-ứng được với hai pháp:

- Một là, có thể làm được việc thờ Thầy và có thể làm các việc khó nhọc.

- Hai là hay tu-tập ngồi thiền, tụng kinh.

3. Từ hai mươi tuổi đến bảy mươi tuổi gọi là Danh-Tự Sa-Di. Nghĩa là, tuổi đủ hai mươi đáng lẽ được thụ giới Cụ-Túc¹, nhưng vì căn-tính ám-độn, hoặc lớn tuổi mới xuất-gia không thể gìn-giữ nổi các giới, tuy rằng, tuổi đáng được lên giới Tỳ-Khru, nhưng, địa-vị chỉ là Sa-Di, cho nên gọi là Danh-Tự Sa-Di.

Phẩm số của Sa-Di tuy có ba bậc, nhưng bậc nào cũng vâng giữ mười giới, nên gọi chung là Sa-Di Nhất Pháp Đồng (cùng một pháp Sa-Di). Nếu ai cạo bỏ râu tóc mà chưa thụ mười giới thì gọi là Hình-Đồng Sa-Di. Nghĩa là,

hình-tướng tuy đồng, nhưng không giữ giới, cho nên không được dự vào số năm chúng xuất-gia². Nay không kể vị Hình-Đồng Sa-Di mà chỉ kể đến vị Sa-Di Pháp-Đồng thôi.

Tiếng Phạm gọi là Sa-Di (Srāmanera), Trung-Hoa dịch nghĩa là Túc-Từ. Nghĩa là, dứt ác, làm lành, dứt sự nhiễm-trược của đời, đem lòng lành mà cứu giúp chúng-sinh. Có chỗ dịch là Cẩn-Sách (siêng-năng răn giục) và, cũng có chỗ dịch là Cầu-Tịch (tìm cầu sự vắng-lặng).

Luật-Nghi là mười giới-luật và các uy-nghi.

---o0o---

THIÊN TRÊN: CỬA GIỚI-LUẬT

Phật dạy người xuất-gia, năm Hạ³ trở về trước chuyên-tinh về giới-luật, năm Hạ trở về sau, mới cho nghe giảng về giáo-lý và tham thiền.

Thế nên, vị Sa-Di cạo tóc rồi, trước phải thụ mười giới, sau mới đến giới-đàn thụ giới Cụ-Túc. Nay được tên Sa-Di, chính do ở chỗ thụ giới. Thế mà, người ngu mờ vậy không biết, người đại khinh mà chẳng học, lại toan vượt bực, ý muốn cao xa, cũng đáng thương xót!

Nhân đem mười giới, lược-giải vài lời, để cho người mới học, biết phương-hướng tới. Người hảo tâm xuất-gia, dốc chí vâng làm, cẩn-thận, chớ có trái phạm.

Như thế, sau này, gần thì làm thêm bực cho giới Tỳ-Khưu, mà xa thì làm cội gốc cho giới Bồ-Tát.

Nhân giới sinh định, nhân định phát tuệ, ngỏ hầu thành-tựu Thánh-đạo, chẳng uổng chí người xuất-gia vậy!

Nếu ai muốn xem rộng hơn, tự mình nên xem trọn bộ Luật-tạng.

Mười giới sau đây, rút trong kinh Sa-Di Thập-Giới. Đức Phật sai Tôn-Giả Xá-Lý-Phất truyền-trao cho ông La-Hầu-La.

---o0o---

GIỚI THỨ NHẤT: KHÔNG SÁT SINH

Trên từ chư Phật, Thánh-nhân, sư, tăng, cha mẹ và dưới cho đến các loài: bò, bay, cựa-quậy... côn-trùng nhỏ-nhất, phạm các loài có tính-mạng không nên cố ý giết. Hoặc mình giết, hoặc xúi người giết, hoặc thấy người khác giết tùy-hỷ, trong kinh nói rằng: “Ai phạm giới này chẳng phải là Sa-Di vậy.” (Trong kinh, luật nói rộng-rãi vì văn nhiều, nên không chép ra đây).

Trong kinh chép: “Tháng mùa Đông hay sinh ra loài rận, nếu áo có rận, bắt bỏ vào ống và lấy bông gòn cho vào cho nó ấm, rồi cạo những cầu như trong mình, bỏ vào cho nó ăn. Với tâm từ, còn sợ chúng đói, lạnh mà chết, huống là còn dám giết chúng!

Cho đến, những việc như lọc nước, che đèn, không nuôi các loài mèo, chồn v.v.. đều là đạo từ-bi của đức Phật. Loài nhỏ còn không nuôi, loài lớn chúng ta hẳn biết rõ ý vậy!

Hạnh từ-bi như thế, mà người đời nay không làm được, còn thêm sự giết hại, nên chẳng?

Trong kinh Sa-Di Thập-Giới có nói: “Thi ân tế phạp, sử kỳ đắc an” nghĩa là, ra ân cứu giúp lúc người bị thiếu ngặt, khiến cho họ được yên vậy, nếu thấy kẻ khác giết-hại, nên khởi tâm từ.

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ HAI: KHÔNG TRỘM CẤP

Giải rằng: Những vật quý trọng như vàng, bạc cho đến vật nhỏ như cây kim, ngọn cỏ, người ta không cho thì không được lấy.

Hoặc của thường-trụ, hoặc của tín-thí, hoặc của chúng-tăng, hoặc của nhà nước, hoặc của dân, hoặc của tất cả; hoặc cướp ngang mà lấy, hoặc ăn cắp, hoặc dối gạt mà lấy..., cho đến việc trốn thuế, dối đồ v.v.., đều là thái-độ gian-trộm!

Trong kinh chép: “Một Sa-Di trộm của thường-trụ bảy trái cây, một Sa-Di thứ hai trộm của chúng-tăng vài cái bánh, một Sa-Di thứ ba trộm của chúng-

tăng một chút đường phèn, cả ba Sa-Di này, khi chết phải đọa vào địa-ngục.”

Vì vậy, trong kinh có nói: “Thà chịu chặt tay chứ không lấy của phi-tài.”

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ BA: KHÔNG DÂM DỤC

Giải rằng: người tại-gia giữ năm giới, chỉ cấm tà-dâm. Người xuất-gia thụ mười giới, đoạn hẳn dâm-dục.

Hễ can-phạm tất cả nam, nữ trong thế-gian, đều là phá giới.

Kinh Lăng-Nghiêm chép: “Tỳ-Khuru-Ni Bảo-Liên-Hương, riêng làm việc dâm-dục và tự nói rằng: dâm-dục không phải như sát-sinh, như ăn trộm, không có tội báo, liền cảm thấy trong thân sức nóng phát ra mãnh-liệt và sinh-thân ấy phải đọa vào địa-ngục.”

Người đời vì dâm-dục, thân mất, nhà tan. Người xuất-gia, ra khỏi nhà thế-tục làm vị Tăng, há lại vi-phạm!

“Căn-bản sinh-tử, dâm-dục là thứ nhất.”

Trong kinh nói: “Dâm-dật mà sống, chẳng bằng trinh-khiết mà chết.”

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ TƯ: KHÔNG NÓI DỐI

Giải rằng: Nói dối có bốn loại:

Một là, Vọng-Ngôn: Nghĩa là, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải; thấy nói là chẳng thấy, chẳng thấy nói là thấy, nói những lời dối-trá chẳng thực v.v ...

Hai là, Ý-Ngữ: Nghĩa là, những lời nói thêu-dệt trau-chuốt, khúc hát hay, lời tình-tứ, khơi lòng dục, thêm sự bi-cảm, làm xiêu tâm-chí người ta.

Ba là, Ác-Khẩu: Nghĩa là lời nói thô-ác, mắng nhiếc người ta v.v..

Bốn là, Lưỡng-Thiệt: Nghĩa là nói lừa dối chiều, hướng người này nói người kia, tới người kia nói người này, ly-gián ân-nghĩa, xúi giục đấu-tranh v.v... Cho đến, trước khen, sau chê, trước mặt phải, sau lưng trái. Chứng ghép tội cho người và vạch bày cái xấu của người.

Như trên, đều thuộc loại vọng-ngữ.

Nếu kẻ phạm-phu tự nói mình đã chứng được quả Thánh, như nói: “Mình được quả Tu-Đà-Hoàn, quả Tu-Đà-Hàm v.v...” gọi là đại-vọng-ngữ, tội ấy rất nặng.

Còn vọng-ngữ vì cứu người cấp-nạn, phương-tiện quyền biến khéo-léo, từ-bi giúp ích cho người, thì không phạm.

Cổ-nhân nói: “Điều cốt-yếu để lập công-hạnh cho mình, trước tiên là không được vọng-ngữ”. Người đời còn thế, hướng là người học đạo xuất-thế! Trong kinh chép: “Một Sa-Di khinh cười một vị Tỳ-Khưu già đọc kinh, tiếng như chó sủa mà vị Tỳ-Khưu già ấy đã là bực A-La-Hán. Nhân ấy vị Tỳ-Khưu già dạy cho vị Sa-Di kia biết, nên gấp sám-hối, hầu khỏi đọa vào địa-ngục, nhưng vẫn phải làm thân chó.” Một lời nói ác, bị hại đến thế! Vì vậy trong kinh nói: “Ôi, người ta ở đời, búa ở trong miệng. Sở dĩ, thân mình bị chém, là do lời nói ác” .

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ NĂM: KHÔNG UỐNG RƯỢU

Giải rằng: Uống rượu là uống những thứ gì có chất rượu, có thể làm say người ta. Nước Tây-Vực xưa có nhiều loại rượu. Có những loại, lấy cây mía, trái nho, các thứ hoa mà làm ra rượu. Và, Trung-Hoa lấy gạo làm ra rượu, cũng đều không nên uống.

Trừ khi có bệnh nặng, nếu không có rượu, không sao chữa khỏi được, nên bạch cho chúng biết, rồi sau mới uống. Vô cố, một giọt cũng không được thấm vào môi.

Cho đến, không được ngửi rượu, không được dùng ở nhà làm rượu và, không được lấy rượu cho người uống.

Ông Nghi-Địch làm rượu rất ngon, vua Vũ-Đế nhà Hạ uống biết, nhưng nhân đó liền cấm dứt.

Vua Trụ nhà Ân, làm ao đồ rượu, nước phải diệt vong!

Làm vị Tăng mà uống rượu, đáng hổ-thẹn lắm!

Xưa kia có một ông Ưu-Bà-Tắc-giới, nhân vì phá giới rượu mà các giới liền bị phá. Trong 36 lỗi⁴, chỉ một lần uống rượu liền phạm hết. Như vậy, lỗi chẳng phải nhỏ!

Những người ham uống rượu, chết phải đọa vào trong địa-ngục Phí-Thỉ (phân sôi), đời đời ngu-si, mất giống trí-tuệ.

Rượu là thứ thuốc đại mê-hồn, tệ hơn vị tỳ-chậm. Cho nên trong kinh Thập-Giới nói rằng: “Thà uống nước đồng sôi, đừng nên phạm vào rượu”.

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ SÁU: KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA HƯƠNG, KHÔNG THOA HƯƠNG VÀO MÌNH

Giải rằng: Tràng hoa là một vật phẩm, người Tây-Vực (Ấn-Độ) lấy hoa xâu làm tràng, để trang sức trên đầu. Như người Trung-Hoa, lấy các loại nhung, lụa, vàng, ngọc, châu báu chế làm khăn, mũ v.v... vậy.

Thoa hương vào mình, như những người sang bên Tây-Vực lấy các thứ danh-hương nghiền làm bột và bảo kê thanh-y thoa vào mình. Tại Trung-Hoa có những thứ như đeo hương, xông hương và các thứ son phấn v.v...

Người xuất-gia há nên dùng những thứ ấy!

Đức Phật chế ra ba y, toàn dùng bằng vải gai, to, thưa. Những thứ bằng lông thú, miệng con tầm hại vật, tổn lòng từ, chẳng phải các thứ người xuất-gia nên dùng.

Trừ khi người nào tuổi đến bảy mươi, già yếu quá, không có vải lụa thì không ấm, nên có thể mặc được. Những người khác thì không được.

Vua Vũ nhà Hạ mặc áo xấu, ông Công-Tôn nhà Hán đắp mền vải. Vua, quan là hàng sang-trọng, đáng sắm mà còn không sắm, há là người tu mong đắc đạo lại trở lại tham đồ mặc hoa-mỹ ư? Y-phục hoại sắc, áo phấn-tảo che thân-hình, mới hợp với người xuất-gia vậy.

Xưa kia có vị Cao-Tăng(tức là Huệ-Hưu Pháp-Sư, đời Đường) ba mươi năm mang một đôi giày, há là kẻ phàm vậy ư?

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ BẢY: KHÔNG CA, VŨ, XƯƠNG KỸ, KHÔNG ĐI XEM, NGHE

Giải rằng: “Ca” là miệng hát ra những bài hát. “Vũ” là thân làm trò múa giỡn. “Xương kỹ” là những loại đàn cầm, đàn sắt, ống tiêu, ống quản v.v...

Không được tự mình làm, không được khi người khác làm, cố ý đến xem, nghe.

Xưa kia có ông Tiên, nhân nghe các cô gái hát giọng tiếng vi-diệu, liền mất thần-túc-thông. Xem, nghe còn hại như thế, huống là mình tự làm ư?

Người ngu-mê đời nay nghe trong kinh Pháp-Hoa có câu: “Tỳ-bà nạo-bạt” liền tha-hồ đi học âm-nhạc. Song, trong kinh Pháp-Hoa nói về âm-nhạc, là để cúng-dường chư Phật, không phải là để vui cho mình!

Những tự-viện ứng-hợp với việc làm đạo-tràng pháp-sự cho nhân-gian, còn có thể làm được. Nay vì đường sinh-tử, bỏ tục, xuất-gia, há lại không tu việc chính, mà lại đi cầu học nghề âm-nhạc cho giỏi sao?

Cho đến đánh cờ vây (vi-cơ), cờ lục-bác, ném xúc-xắc (đầu-trịch), đánh bạc (su-bồ) các việc, đều loạn đạo-tâm tăng thêm lỗi xấu.

Than ôi, có thể nào mà chẳng rã được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ TÁM: KHÔNG NGỒI GIƯỜNG CAO, RỘNG, LỚN

Giải rằng: Đức Phật chế giường cây, cao không quá tám ngón tay đức Như-Lai. Quá kích-thước đó thời phạm.

Cho đến các thứ giường sơn vẽ, chạm trổ và các thứ màn nệm bằng tơ lụa cũng không nên dùng.

Người xưa dùng cỏ làm tòa ngồi, đêm thì nằm ngủ dưới gốc cây. Nay ta có giường chõng cũng đã hơn xưa rồi, sao còn muốn giường cao, rộng chỉ làm buồn-lung cho tâm thân giả-dối!

Ngài Hiếp-Tôn-Giả, suốt đời, lưng chẳng đặt xuống chiếu. Ngài Cao-Phong-Diệu Thiên-Sư lập nguyện đứng ba năm, không bện tới giường chõng. Ngài Ngô-Đạt Quốc-Sư đời Đường, nhân ngồi lên tòa trầm-hương giảng pháp, còn bị tổn phước mà mắc quả báo.

Than ôi, có thể mà chẳng rã được ư!

---o0o---

GIỚI THỨ CHÍN: KHÔNG ĂN PHI THỜI

Giải rằng: Phi thời là quá giờ Ngọ, không phải thời-phận của chư Tăng ăn. Chư Thiên ăn sớm mai. Chư Phật ăn giờ Ngọ. Loài quý ăn tối. Chúng-Tăng nên học Phật, không ăn quá giờ Ngọ.

Loài Ngã-Quý nghe tiếng chén bát thời trong cỗ hống bốc lửa. Vì vậy, ăn đúng giờ Ngọ, còn nên im-lặng, huống là ăn quá giờ Ngọ ư?

Xưa kia có vị Cao-Tăng (Pháp-Huệ Thiên-Sư) nghe vị Tăng ở căn phòng bên, sau giờ Ngọ, nổi lửa nấu ăn, bất giác, ngài sa nước mắt khóc, thương Phật-Pháp suy-tàn vậy!

Người đời nay, thân-thể suy-yếu, nhiều bệnh muốn ăn hoài hoài, hoặc không thể giữ được giới này, nên người xưa có nói bữa ăn chiều vì muốn chữa bệnh, cũng ví như “Dược-Thạch”. Tuy thế, phải biết, đó là trái lời Phật dạy sinh tâm rất thẹn-hổ và, phải nghĩ đến nỗi khổ của loài Ngã-Quý, thường làm việc thương xót cứu giúp, không ăn nhiều, không ăn ngon, ăn mà tâm-ý không yên, họa may mới có thể được! Và, nếu chẳng được như thế, mắc tội rất nặng!

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

**GIỚI THỨ MƯỜI:
KHÔNG CẦM GIỮ ĐỒ SINH, TƯỢNG, VÀNG, BẠC, CỦA BÁU**

Giải rằng: “Sinh” là vàng thực. “Tượng” là tương-tự (gần giống như); tương-tự vàng là bạc. Nghĩa là: Vàng, bản-chất của nó vàng, nay đem bạc nhuộm màu vàng, màu nó giống như vàng mà thôi!

Của Báu, đây là chỉ cho bảy thứ châu báu vậy.

Vì các thứ vàng, bạc, của báu trên đều thêm lớn lòng tham, hư hại đạo-nghiệp, nên đức Phật khi còn tại thế, chư Tăng đều đi khát-thực, không lập lò bếp; y-phục, phòng-thất, đều nhờ thí-chủ ủng-hộ. Đã nhờ ngoại duyên ủng-hộ, dù có cầm giữ vàng bạc, cũng thành vô-dụng. Cầm giữ còn cầm, thì biết được sự thanh-bạch như thế nào!

Ông Quán-Ninh và ông Hoa-Hâm đời nhà Hán cuốc đất được vàng, chẳng thèm lấy. Người thế-nho còn thế, người Thích-Tử xưng là nghèo, còn chứa của làm chi?

Người đời nay, đều chẳng hay làm hạnh khát-thực. Hoặc vào chốn tùng-lâm, hoặc ở nơi am-viện, hoặc đi phương xa, cũng không khỏi phải chi-phí đến tiền bạc. Tất nhiên vậy, nhưng nên biết đó là trái lời Phật dạy, sinh tâm rất hổ thẹn và, nên nghĩ đến sự nghèo thiếu của kẻ khác, mà thường làm việc bố-thí, Không lo tìm, không cất chứa, không buôn bán và, không dùng bảy báu⁵, trang-nghiêm y-phục, khí cụ, các vật.. họa may còn có thể được!

Như hoặc chẳng được như vậy, mắc tội rất nặng!

Than ôi, có thể nào mà chẳng răn được ư!

---o0o---

THIÊN DƯỚI NÓI VỀ MÔN UY-NGHI

Uy-Nghi có nghĩa là, vị xuất-gia, có uy khiến cho người ta đáng sợ và, có nghi làm cho người ta đáng kính. Bởi vì, vị ấy giữ giới-luật thanh-tĩnh, phạm-hạnh đầy đủ, đường-đường Tăng-tướng, mọi đức uy-nghiêm làm cho người ta nể sợ. Vị ấy, khi hoạt-động, khi an-tĩnh, đều hợp với pháp-tắc, hình-tướng nghiêm-chỉnh, dung-nghi đoan-chính đáng quan-chiêm, làm cho người ta cung-kính. Những tư-cách ấy, thành đạo-phẩm của người xuất-gia và là bậc sư-phạm của cõi Người và cõi Trời. Do đó, trong kinh luật có chỗ nói: “Tĩnh-hạnh thành ra đạo-nghi, trong sạch trọn nên giới-phẩm. Chí-khí cao như các vòm sao trên bầu trời, uy-nghiêm như gió, như mây. Trong tâm, ôm-ấp đức-tính con sư-tử và, ngoài tướng biểu-hiện cái uy con tượng-vương. Cõi Người cõi Trời khen ngợi vâng theo và các bộ Long-thần đều khâm-phục.”

Kinh Hoa-Nghiêm nói: “Giữ-gìn đầy đủ uy-nghi, giáo-pháp, khiến cho ngôi Tam-Bảo không bị đoạn-diệt.”

Nay thiên dưới này gồm có 24 chương, cùng ra một môn uy-nghi, nó là, dấu xe của Sa-Di và cửa ngõ ra khỏi thế-gian vậy.

Đức Phật chế ra luật Sa-Di, vị Sa-Di đủ hai mươi tuổi, khi muốn thụ giới Cụ-Túc, cần phải hỏi vị ấy về những công việc của Sa-Di và, nếu hỏi mà không trả lời được đầy đủ được, thì không cho thụ giới Cụ-Túc. Khi ấy nên nói rằng: “Ông làm Sa-Di mà không biết chỗ cần thi-hành của Sa-Di, thì công việc của bậc Sa-Môn lớn lao, khó làm, ông hành-trì sao được. Ông hãy đi học cho kỹ, khi nào nghe, biết hết tất cả rồi, lúc ấy hãy nên thụ giới Cụ-Túc. Nếu nay trao giới Cụ-Túc cho ông, người đời họ sẽ cho rằng: “Phật-Pháp dễ làm và làm vị Sa-Môn cũng không khó”, không tốt cho danh-nghiã Phật-Giáo. Vì vậy nên cần phải hỏi trước khi cho thụ giới Cụ-Túc.”

Những điều-tắc được biên-tập sau đây đều rút tĩa trong các kinh luật: Sa-Di Uy-Nghi, Cổ-Thanh-Quy, Sa-Di Thành-Phạm. Và, bộ Hành-Hộ Luật-Nghi của ngài Tuyên-Luật-Sư, tuy bộ này hướng về dạy các vị Tỷ-Khuru tân-học, nhưng trong bộ ấy cũng có những chỗ khá thông-dụng, nên nơi đây, cũng rút tĩa ra.

Vì nhân-tình đời mặt-pháp hay lười biếng, nghe nhiều sinh chán, nên cắt bỏ những chỗ rườm-rà và lấy những chỗ quan-yếu mà thôi. Song, nơi đây, chia ra từng loại, để tiện cho người đọc và học. Thảng hoặc, trong đó có những chỗ chưa đủ, liền theo nghĩa thêm vào một, hai ý cho đầy đủ. Còn vị nào muốn xem rộng thì nên tự mình nghiên-cứu trong Luật-tạng toàn-thư.

---o0o---

1. KÍNH BẠC ĐẠI SA-MÔN

Không được gọi tên tự của bậc Đại Sa-Môn.
Không nghe trộm bậc Đại Sa-Môn thuyết giới.
Không được chuyên lời, nói dối bậc Đại Sa-Môn.
Không được đang ngồi, thấy bậc Đại Sa-Môn đi qua
Không đứng dậy. Trừ khi đọc kinh, khi bị bệnh,
Khi cạo tóc, khi ăn cơm, khi làm việc chúng.

Bộ Hành-Hộ nói rằng: “5 Hạ trở lên là ngôi vị Xà-Lê, 10 Hạ trở lên là ngôi vị Hòa-Thượng. Tuy việc này là việc của các vị Tỳ-Khuru, nhưng Sa-Di cũng nên dự biết.”

---o0o---

2. THỜ THÀY

Nên dậy sớm.

Khi muốn vào trong cửa phòng Thày, trước tiên nên khảy ngón tay ba tiếng.

Nếu có lỗi, Hòa-Thượng, A-Xà-Lê dạy răn, không được nói nghịch lại. Nên coi vị Hòa-Thượng, A-Xà-Lê như Phật.

Nếu Thày có sai đồ những đồ bất-tịnh, không được khạc-nhỏ, không được giận-bực.

Nếu đình lễ Thày, Thày tọa-thiền, không nên làm lễ, Thày đi kinh-hành, không nên làm lễ, Thày dùng cơm, Thày thuyết kinh, Thày xia răng, Thày tắm giặt, Thày ngủ-nghỉ v.v., đều không nên làm lễ. Khi Thày đóng cửa phòng, không nên làm lễ ngoài cửa. Khi muốn vào trong cửa phòng làm lễ, nên khảy ngón tay ba lượt Thày không ưng thì nên lui.

Dâng đồ ăn uống cho Thầy, nên bung hai tay. Khi Thầy dùng xong, nên từ từ thu dọn đồ-vật.

Hầu Thầy, không được đứng đối-diện, không được đứng chỗ cao, không được đứng quá xa, đứng làm sao, để khi Thầy nói nhỏ có thể nghe được, không làm tổn sức-lực Thầy.

Nếu thỉnh-vấn Thầy về nhân-duyên Phật-pháp, nên đáp y tề-chính, lễ-bái, chấp tay, quỳ thẳng, tác bạch. Thầy nói điều gì nên lắng lòng, nghe kỹ, suy nghĩ và, in sâu vào tạng-thức.

Nếu khi thỉnh-vấn các việc thông-thường trong nhà không cần phải đỉnh lễ, hò-quỳ, mà chỉ đứng ngay bên Thầy, cứ thực mà trình bạch.

Nếu khi Thầy thân-tâm mỏi-mệt, dạy lui nên lui, không được tâm-tinh sinh ra sự không vui, hiện ra sắc mặt.

Nếu có phạm giới v.v... không được che dấu và nên cấp tốc đến nơi Thầy, cầu xin sám-hối. Thầy cho phép sám-hối thì nên tận-tình bày tỏ, tinh-thành hối-cải, lại được thanh-tịnh.

Thầy nói chưa xong, chưa được nói.

Không được đùa ngời trên tòa ngời của Thầy, nằm trên giường nằm của Thầy, đội mũ mặc áo của Thầy v.v...

Thầy sai cầm thư của Thầy đem đi đâu, không được tự bóc coi, cũng không được cho ai coi. Đến nơi đưa thư, họ có hỏi điều gì, nên đáp thì cứ thực mà trả lời, hoặc không nên trả lời thì nên từ-khước một cách khéo-léo. Họ lưu lại, không nên ở lại và, nên nhất tâm nhớ Thầy, mong về.

Thầy tiếp khách, hoặc đứng chỗ thường, hoặc đứng bên Thầy, hoặc đứng sau Thầy, nhưng phải làm sao, tai mắt của Thầy, trò giao-tiếp được với nhau, để khi Thầy cần dạy bảo việc gì.

Thầy đau yếu, mỗi việc mỗi việc phải dụng-tâm điều-trị, xếp-đặt như phòng-thất, mền-nệm, thuốc-men, cơm-cháo v.v...

Còn các việc: cầm y, trao giày, giặt tẩy, hong phơi v.v..., các việc ấy có đầy đủ trong Luật, nơi đây không nghi chép nhiều.

PHỤ:

Khi hầu Thầy, Thầy không bảo ngồi thì không nên ngồi. Thầy không hỏi thì không đáp, trừ khi tự mình có việc muốn hỏi.

Khi đứng hầu, không được dựa vách, dựa ghế, nên đứng bên Thầy với tư thế, thân-thể đoan-chính, đôi chân tề-chỉnh.

Muốn lễ Thầy, Thầy bảo thôi, nên thuận theo mệnh-lệnh của Thầy.

Khi Thầy cùng tân-khách đàm-luận, nếu chuyện nào hợp với chuyện đạo, có ích cho thân-tâm, đều nên ghi lấy.

Khi Thầy sai bảo làm việc gì, nên kịp thời làm xong, không được trái nghịch và khinh-thường.

Ngủ nghỉ, không nên đi ngủ nghỉ trước Thầy.

Ai có hỏi tên húy của Thầy, nên nói: trên chữ ấy, dưới chữ ấy...

Là đệ-tử nên chọn bậc minh-sur. Chọn được rồi phải thân-cận lâu dài, không được xa Thầy quá sớm. Như Thầy thực bất-minh, nên tìm bậc lương-đạo.

Trong trường-hợp phải xa Thầy, nên nhớ những lời Thầy dạy răn, không được mặc tình tự-ý theo những người thế-tục, làm những việc bất-chính. Cũng không được ở những chỗ huyên-náo như chỗ chợ, giếng nước. Không được ở nơi miếu thờ Thần. Không được ở trong phòng nhà dân-chúng. Không được ở gần chùa Ni. Không được ở chung nơi Thầy mà làm các việc ác trong thế-gian.

---o0o---

3. THEO THẦY XUẤT-HÀNH

Đi cùng Thầy, không được đi qua nhà người khác.

Không được ngưng lại bên đường nói chuyện cùng người khác. Không được ngoái trông bên tả bên hữu, nên cúi đầu theo sau Thầy.

Tới nhà đàn-việt, nên đứng một bên Thầy, Thầy dạy ngồi mới ngồi.

Tới tự-viện người ta, Thầy lễ Phật, hoặc mình lễ không được tự-tiện đánh chuông khánh.

Nếu Thầy đi lên núi, nên mang tọa-cụ theo.

Nếu đi xa, không được cách Thầy quá xa.

Nếu lội nước, nên cầm gậy dò thử xem nông hay sâu.

Còn các việc mang bình-bát, cầm gậy tích-trượng v.v., đầy đủ trong Luật-tạng, nơi đây, vẫn nhiều không chép.

PHỤ:

Nếu tình cờ, chia ra, mỗi người đi mỗi ngã, nhưng hẹn gặp ở chỗ nào, thì không được tới sau.

Thầy thụ-trai nên đứng hầu xuất-sinh. Thụ-trai xong nên đứng hầu thu cất các đồ cúng-dường.

---o0o---

4. NHẬP CHỨNG

Không được tranh chỗ ngồi, không được ở trên tòa xa xa gọi nhau nói chuyện, cười-đùa.

Trong chúng, ai có điều gì trái với uy-nghi, nên dấu điều xấu, bày điều tốt.

Không nên khoe sự nhọc-mệt để tỏ bày công-lao của mình.

Phàm ở đâu, ngủ không nên ngủ trước người và dậy không nên dậy sau người. Rửa mặt, không nên dùng nhiều nước. Xỉa răng nhỏ nước, nên cúi đầu đưa nước xuống, không nên phun nước bắn vào người.

Không được hỷ mũi và khạc nhổ lớn tiếng.

Không được ở trong điện, tháp, tịnh-thất, nơi đất sạch, nước sạch hỷ mũi, khạc-nhổ, mà nên tìm những chỗ khuất vắng.

Không được xỉa răng trước tháp, trước các vị Hòa-Thượng, A-Xà-Lê v.v...

Phàm nghe tiếng chuông nên chấp tay mặc-niệm rằng: “Nghe tiếng chuông, phiền-não nhẹ, trí-tuệ lớn, bồ-đề sinh, lìa hầm lửa, mong thành Phật, độ chúng-sinh”. Úm, già ra để da sa-bà-ha.

Không được cười nhiều. Nếu cười lớn hay ợ ngáp, nên lấy tay áo che miệng.

Không được đi vội. Không được đem đèn thờ Phật để dùng riêng cho mình. Nếu tắt đèn, nên lấy lồng đèn che kín, đừng để cho loài trùng bay sa vào.

Hoa cúng Phật, nên lựa bông nở tròn đủ. Không được ngửi trước. Bỏ hoa héo, cúng hoa tươi. Hoa héo không nên bỏ dưới đất, giậm lên, mà phải để chỗ vắng vẻ.

Không được nghe Thầy gọi mà không đáp. Nghe gọi, nên lấy câu niệm Phật mà đáp.

Khi nhật được của rơi, nên bạch vị Tri-Sự ngay.

PHỤ:

Không được kết bạn với Sa-Di tuổi trẻ.

Không được dùng ba tấm y của các vị Tỳ-Khuru một cách lẫn-lộn. Không được may nhiều y-phục. Nếu thừa nên xả. Không được sắm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi v.v., trang-điểm giang-hồ, làm trò cười cho người thức-giả. Không được mặc đồ có màu sắc và giống y-phục trang-sức của người thế-tục v.v... Không được tay chẳng sạch mà đắp y.

Khi lên chánh-điện nên mặc khổ-miệt (quần lót) cho chắc, không được buông ý tự-tiện.

Không được rong chơi. Không được nói nhiều. Không được ngồi ngó đại-chúng làm việc nhọc-mệt, lười biếng trốn tránh cho yên. Không nên lấy của Chiêu-Đề (Caturdesa, tức là của Tứ-phương-tăng, hay là của tự-viện) như: tre, gỗ, hoa, quả, rau... cùng hết thầy đồ ăn uống, đồ-đạc v.v...

Không được bàn bạc về những việc chính-trị được, mất trong triều-đình, công-phủ, cùng những việc hay, dở, tốt, xấu của nhà bạch-y (thế-tục).

Phàm tự-xung, nên xưng hai chữ pháp-danh, không được xưng là Ta hay là Tiểu-Tăng.

Không được, nhân việc nhỏ, sinh ra sự tranh-chấp. Nếu việc lớn lao, khó nhẫn, cũng nên giữ tâm bình, khí hòa, dùng lý-luận biện-giải và, nếu không được, cáo-từ rút lui. Nội giận, thốt ra lời thô-tục, tức không phải là vị hảo-tăng vậy.

---o0o---

5. THEO CHÚNG DÙNG CƠM

Nghe tiếng kiền-trùy (Ghantà: gọi chung những thứ đánh ra tiếng như: chuông, khánh, gõ v.v...), nên chỉnh y-phục ngay.

Tới khi ăn, chú-nguyện, đều phải cung-kính.

Xuất-sinh, cơm không quá bảy hạt, miến không quá một tấc, bánh bột man-đầu độ chừng móng tay. Không nên nhiều cũng không nên ít. Nhiều là tham. Ít là sèn. Còn các món khác như rau, đậu-hủ, không nên xuất-sinh.

Khi xuất-sinh, để trong lòng bàn tay trái, tưởng niệm bài kệ: “Nhữ đẳng quý-thần chúng, ngã kim thí nhữ cúng; thử thực biến thập phương, nhất thiết quý-thần cộng”: Quý-thần chúng các vị, nay tôi cho đồ cúng; cơm này khắp mười phương, cho chung mọi quý-thần.

Trước khi muốn ăn, phải niệm 5 phép quán-tưởng: “Nhất, kê công đa thiếu, lượng bĩ lai xứ. Nhị, thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng-cúng. Tam, phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông. Tứ, chính sự lương-dược, vị liệu hình khô. Ngũ, vị thành đạo cố, phương thụ thử thực”: Một là, tính xem công-phu của các món ăn ấy nhiều hay ít và, suy lường xem chúng từ nơi nào đem lại. Hai là, suy nghĩ xem đức-hạnh mình được trọn vẹn hay còn thiếu, mà nhận đồ cúng này. Ba là, ngăn ngừa tâm, khỏi lỗi lầm, vì tham v.v... là cội gốc. Bốn là, món ăn chính là vị thuốc hay, vì nó chữa được bệnh khô héo. Năm là, vị thành đạo-nghiệp, nên nhận món ăn này.

Không chê đồ ăn ngon, dở. Không được lấy đồ ăn chung cho riêng, hoặc ném cho chó ăn. Đưa thêm đồ ăn, không nên nói là không dùng. Nếu ăn no rồi, nên lấy tay khiêm-nhường mà khước-từ. Không được gãi đầu, làm bay bụi vào trong bát người bên cạnh. Không được ngậm cơm, nói chuyện. Không được cười nói chuyện tạp. Không được nhai cơm có tiếng. Như muốn xia răng, nên lấy tay áo che miệng. Trong cơm, hoặc có sâu, kiến, nên che dấu kín, đừng để người ngồi gần trông thấy, sinh tâm nghi sợ.

Nên ngồi ăn một chỗ, không được ăn xong, lại rời đến chỗ khác ăn nữa. Không được ăn xong, lấy ngón tay vét chén bát mà ăn. Khi ăn, không được nhanh quá và cũng không được chậm quá. Đưa đồ ăn chưa tới, không được sinh phiền-não. Hoặc cần dùng gì, yên lặng chỉ trao, không được cao tiếng gọi lớn. Không được khua chén bát thành tiếng. Không được ăn xong, dậy trước.

Nếu trái với Tăng-chế, nghe tiếng bạch-trụy không được kinh-chống không chịu.

Trong cơm có thóc, bóc vỏ mà ăn.

Không được thấy đồ ăn ngon sinh tâm tham, mặc cho miệng ăn. Không được ăn món ăn khác với chúng.

---o0o---

6. LỄ BÁI

Lễ bái, không được chiếm giữa chính-điện, vì nơi ấy dành riêng cho ngôi vị Trụ-Tri.

Có người đang lễ Phật, không được đứng gần và đi ngang qua đầu người ấy.

Chấp tay, không được mười ngón so-le. Không được rộng giữa. Không được nhét ngón tay vào trong mũi. Phải để ngay trước ngực, cao, thấp đúng chỗ. Không được lễ bái không đúng thời. Như muốn lễ phi-thời, phải đợi khi người ta an-tĩnh.

Khi Thầy lễ Phật, không được cùng Thầy cùng lễ. Nên theo sau, xa Thầy mà lạy.

Thầy xá người ta, không được, cùng Thầy mà xá.

Ở trước Thầy, không được cùng bạn đồng bực lạy nhau. Ở trước Thầy không được nhận sự lễ lạy của người.

Tay mình đánh cầm kinh, tượng, không được làm lễ người ta.

PHỤ:

Phàm lễ bái, phải tinh-thành quán-tưởng. Trong kinh liệt-kê bảy phép lễ, cần phải biết:

Một là, ngã-mạn lễ,

Hai là, cầu danh lễ,

Ba là, thân tâm cung-kính lễ,

Bốn là, phát trí thanh-tịnh lễ,

Năm là, thông-nhập pháp-giới lễ,

Sáu là, chính-quán tu thành lễ,

Bảy là, thực-tướng bình-đẳng lễ.

---o0o---

7. NGHE PHÁP

Khi có bảng treo trên giảng-đường, nên sớm lên giảng-đường, đừng đợi khi trống pháp đánh lớn mới tới. Sửa-sang y-phục rồi nên trông ngay tiền thẳng.

Ngồi phải đoan-nghiêm. Không được nói chuyện loạn lên. Không được ho khạc lớn tiếng.

PHỤ:

Khi nghe pháp phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu.

Không được chuyên ghi những danh-ngôn, để giúp thêm vào việc bàn cãi. Không được chưa hiểu nói là đã hiểu, mà chỉ là vào tai ra miệng.

Sa-Di tuổi trẻ, giới-lực chưa bền chắc, cần phải học luật, không nên tới trường giảng kinh, luận sớm.

---o0o---

8. TẬP HỌC KINH-ĐIỂN

Nên học luật trước, sau mới học kinh, không nên vượt bậc.

Phàm học một bộ kinh nào, trước tiên phải bạch Thầy. Khi học kinh ấy xong, lại bạch xin học kinh khác.

Không được lấy miệng thổi bụi trên kinh. Trên án kinh, không được cất những thứ trà, bột và tạp-vật.

Người xem kinh, không được đi ngang qua gần án kinh của người ấy.

Khi kinh sách hư rách, nên tu bổ sớm.

Bổn-nghiệp của Sa-Di chưa thành, không nên tập học các sách bên ngoài, các sách sử của nhiều nhà và những sách vở về việc cai-trị của thế-gian.

PHỤ:

Không được lựa chọn học tập những kinh ứng-phó đạo-tràng. Không được tập học những kinh-điển nguy-tạo. Không được tập học các sách coi số-mạng. Không được tập học các sách coi tướng. Không được tập học các sách làm thuốc. Không được tập học các sách binh-trận. Không được tập học các sách coi bói, coi quẻ. Không được tập học các sách thiên-văn, địa-lý, sấm-ký. Cho đến không được tập học những sách nói về phép thần-tiên, luyện linh-đơn, luyện đơn-sa thành bạc thành vàng, mà đời trước (Trung-Hoa) thường gọi là “lô-hỏa, hoàng-bạch”. Không được tập học những sách thần-kỳ, quý-quái, phù-thủy v.v.. Không được tập học theo lối một người đọc, mấy người rập theo, gọi là “tuyên quyền đả kệ”. Không được tập học các sách vở ngoại-đạo, trừ những vị trí-lực có thừa muốn biết giáo-điển cao thấp của nội, ngoại-giáo, nên mới trải qua cho biết, song, cũng không nên sinh ra tâm tưởng tập học. Không được tập học thơ và từ. Không được để tâm học viết chữ cho tốt. Song, chỉ cần viết nét ngay thẳng là đủ. Không được tay như cầm giữ kinh.

Đối với kinh sách, như đối với Phật, không được giỡn cười.

Không được trên án để kinh sách lộn-xộn. Không được đọc lớn tiếng động chúng. Không được mượn kinh sách của người coi rồi không trả, và không để tâm ưa thích, quý trọng, để đến nỗi hư rách.

---o0o---

9. NHẬP TỰ-VIÊN

Khi vào cửa chùa không được đi chính giữa. Phải theo hai bên mà đi. Đi bên trái, chân trái bước trước. Đi bên mặt, chân mặt bước trước.

Không được vô cớ lên đại-điện giỡn chơi. Không được vô cớ lên tháp. Vào điện, tháp nên quanh bên hữu không được quanh bên tả. Không được hỉ nhỏ

trong điện tháp. Nhiều tháp hoặc ba vòng, bảy vòng, cho đến trăm vòng. Nên biết tượng-trung của các số này.

Không được để nón, gậy và các đồ-vật khác dựa vào vách chính-điện.

---o0o---

10. VÀO THIÊN-ĐƯỜNG, TÙY CHÚNG

Trên đơn, không được giữ áo, mền thành tiếng, và bay bụi, làm cho người ở đơn bên bị động-niệm.

Khi từ giường bước xuống niệm bài kệ rằng: “Từ sớm, giờ Dần thẳng đến chiều, hết thấy chúng-sinh quanh-quần cần giữ mình. Không may, dưới chân thân-mệnh mất, nguyện người tức thời sinh cõi Tịnh.”

Không được cao tiếng, nói to.

Nhẹ tay cuốn bức màn mỏng, phải đỡ tay sau.

Không được kéo giày ra tiếng. Không được ho khạc có tiếng lớn. Không được cùng với người ở đơn bên, chụm đầu, kê tai, nói chuyện đời.

Hoặc có bạn đạo thân-tình thăm nhau, trong nhà Thiên không được nói chuyện lâu, nên đem nhau tới dưới rừng, bên suối, mới có thể dốc hết tâm-can đàm-luận.

Nếu coi kinh, thân cần ngồi ngay thẳng, lắng lòng xem một cách thâm lặng, không nên đọc ra tiếng.

Mộc-bản đánh đến hồi thứ hai, liền phải lên giảng-đường sớm.

Về tới vị-trí của mình, thầm niệm bài kệ rằng: “Thân thẳng ngồi ngay. Nguyện cho chúng-sinh. Ngồi tòa bồ-đề. Tâm không chấp-trước.”

PHỤ:

Không được đi xuyên qua Thiên-đường.

Lên đơn, xuống đơn, đều nên giữ tế-hạnh, đừng để động niệm tới vị ở đơn bên. Không được ngồi trên đơn mà viết chép văn-tự, trừ khi đại-chúng xem kinh-giáo.

Không được ở trên đơn xúm nhau bày tiệc trà hay đêm ngồi nói chuyện tạp. Không được ngồi trên đơn may vá quần áo. Không được nằm ngủ, cùng người gần đơn nói chuyện động chúng.

---o0o---

11. CHẤP-TÁC

Nên tiếc của chúng-tăng. Nên theo sự dạy bảo của vị Tri-Sự, không nên ngang trái.

Khi rửa rau phải thay nước ba lần. Phàm mức nước trước tiên phải rửa tay cho sạch. Khi dùng nước phải xem kỹ, có trùng hay không có trùng. Nếu có trùng nên lấy lụa dày lọc qua mới dùng. Nếu thuộc mùa nghiêm-đông, trời lạnh, đừng nên lọc nước sớm và phải đợi mặt trời mọc hãy lọc.

Phàm nhúm bếp, không được đốt củi mục. Phàm làm đồ ăn, đừng nên để móng tay như. Phàm đồ nước như không được đồ giữa đường. Cũng không được giơ cao tay hất đồ. Phải cách mặt đất chừng bốn, năm tấc, từ từ mà đổ.

Phàm quét đất, không được quét ngược gió. Không được gom bụi đất để sau cánh cửa.

Giặt áo trong, nên lượm bỏ các con rận rồi sau mới giặt. Tháng mùa Hạ, dùng nước, dùng rồi phải úp chậu xuống, nếu để ngửa, tức thì loài trùng sẽ sinh ra.

Nước nóng không được đổ trên đất.

Hết thầy gạo, miến, rau, trái v.v... không được vứt bỏ lang-tạ, phải sinh lòng mến tiếc.

---o0o---

12. VÀO NHÀ TẮM

Trước tiên lấy nước nóng rửa mặt và từ từ rửa từ trên xuống dưới. Không được thô-tháo, dùng nước nóng làm bắn vào người bên cạnh. Không được

tiểu trong nhà tắm. Không được cùng người nói, cười. Bộ Nhân-Thiên Bảo-Giám nói: “Một Sa-Di vào nhà tắm cười đùa, liền bị quả-báo địa-ngục Nước Sôi.” Không nên tắm chỗ vắng.

Khi có bệnh ghê-lác, nên lựa tắm về sau. Hoặc có những mụn nhọt đáng sợ, càng nên quanh tránh, khỏi lọt vào mắt người ta.

Không được mặc ý tắm lâu, làm phương-ngại cho người tắm sau.

PHỤ:

Khi cởi áo, mặc áo, phải thông thả, bình-tĩnh.

Trước khi tắm phải tẩy tịnh, phải giữ những hạnh vi-tế. Không được đem nước tẩy tịnh đổ chung vào bồn tắm.

Nước lạnh hay nóng, y theo lệ đánh tiếng “keng”, chứ không được kêu to.

---o0o---

13. VÀO NHÀ XÍ

Muốn đi đại, tiểu-tiện, nên đi ngay, đừng để cho trong bụng thôi-thúc vội-vàng.

Trên sào tre, vắt áo trực-thuyết, phải xếp cho tề-chỉnh, lấy khăn tay hoặc dây lưng buộc chặt lại. Buộc như vậy, một là, để ghi nhận, và hai là, sợ rớt xuống đất.

Nên thay đổi giày dép, không nên đi giày sạch vào nhà xí. Đến nơi, nên khảy ngón tay ba lần, để cho người bên trong biết. Không được hỏi-thức người bên trong phải ra mau. Khi ngồi trên cầu xí rồi, lại phải khảy ngón tay ba lần, thầm niệm bài kệ rằng: “Khi đại-tiểu-tiện, nguyện cho chúng-sinh, bỏ tham, sân, si trừ sạch tội pháp.” Khi ngồi trên cầu, không được cúi đầu ngó xuống. Không được cầm cỏ vế đất. Không được rặn hơi thành tiếng. Không được cách vách, cùng người nói chuyện. Không được nhỏ nước bọt vào vách.

Gặp người không nên làm lễ, nên nghiêng mình tránh đi. Không được đi dọc đường buộc đai áo. Đại-tiện xong, phải rửa tay cho sạch. Nếu tay chưa sạch, không được cầm vật gì.

Rửa tay, thầm niệm bài kệ rằng: “Lấy nước rửa tay, nguyện cho chúng-sinh, được tay trong sạch, thụ trì Phật-pháp. Ứm chủ ca ra gia sa-ha.”

PHỤ:

Nếu khi đi tiểu, cũng cần phải xắn tay áo lên, và không nên mặc áo thiên-sam (áo lễ), đi tiểu.

---o0o---

14. NẪM NGỦ

Nằm, phải nằm nghiêng hông bên hữu, gọi là ngủ Cát-Tường. Không được nằm ngửa, nằm sấp, cùng nằm nghiêng hông bên tả.

Không được cùng Thầy đồng thất, đồng giường, hoặc được đồng thất, nhưng không được cùng giường. Cũng không được cùng với Sa-Di đồng-sự nằm chung một giường. Để dầy giếp, treo tiểu y v.v., không được quá đầu mặt người.

PHỤ:

Không được cởi áo trong mà nằm. Không được ngủ trên giường cười, nói lớn tiếng. Không được trước Thánh-tượng và chốn pháp-đường, mang các đồ như đi qua.

---o0o---

15. QUANH LÒ SƯỜI

Không được chụm đầu kê tai nói chuyện. Không được khảy mồ hôi như trong lửa.

Không được hong phơi giày, áo miệt. Không được hơ lửa lâu quá, sợ trở ngại cho người tới sau. Hơi ấm nên trở về vị-trí của mình.

---o0o---

16. Ở TRONG PHÒNG

Khi hỏi thăm nhau điều gì, phải biết giới-phẩm lớn, nhỏ.

Muốn đem đèn vào trong phòng, phải thưa trước cho các vị đồng phòng cùng biết rằng sẽ đem đèn vào. Khi muốn tắt đèn, trước tiên phải hỏi những vị cùng ở trong phòng còn dùng đèn nữa không, rồi sau mới tắt.

Tắt đèn, không nên lấy miệng thổi. Niệm tụng không nên cao tiếng.

Nếu có người đau yếu, phải sinh lòng thương, săn sóc thủy chung.

Có người ngủ, không được khua đồ-vật vang-động, và lớn tiếng nói, cười.

Không được vô cớ, xông vào phòng viện của người khác.

---o0o---

17. ĐẾN CHÙA NI

Có chỗ ngồi riêng mới ngồi, không có chỗ ngồi riêng không được ngồi.

Không được vì Ni thuyết pháp phi thời.

Khi trở về chùa, không được nói sự tốt, xấu của chùa ấy.

Không được thư-từ qua lại, và cậy mượn cắt may giặt nhuộm quần áo v.v..
Không được cạo tóc. Không được cùng ngồi ở chỗ vắng nói chuyện.

PHỤ

Không có hai người, một mình không nên tới, cũng không nên đưa tặng-vật qua lại. Không được mượn các vị Ni đi hóa-duyên nơi các nhà hào-quý và cầu-niệm kinh-sám v.v.. Không được cùng các vị Ni kết-nguyện làm cha mẹ, chị em, đạo-hữu.

---o0o---

18. ĐẾN NHÀ NGƯỜI

Có tòa riêng hãy nên ngồi, không nên ngồi bừa.

Người hỏi về kinh phải biết thời mà nói, cẩn-thận đừng nên nói phi-thời.

Không được cười nhiều.

Chủ-nhân đãi cơm, tuy không phải là nơi pháp-hội, nhưng cũng đừng trái phép tắc.

Không nên đi đêm. Không được ở trong nhà trống, hoặc chỗ khuất, cùng nữ-nhân ngồi chung nói chuyện.

Không được thư-từ qua lại v.v... như chương trước đã nói.

Nếu về nhà thăm cha mẹ, trước tiên phải vào trong nhà lễ Phật, hoặc Thánh-tượng trong gia-đường, đoan-trang lễ-nguyện. Thứ đến hỏi thăm cha mẹ, quyền-thuộc v.v...

Không được nói với cha mẹ về việc phép-tắc nơi Thầy nghiêm-nghị, việc xuất-gia khó-khăn, ở chùa đạm-bạc, quạnh-hiu, gian-tân khổ-cực v.v.. Và, chỉ nên vì tất cả thuyết pháp, làm cho sinh tín-tâm, thêm phước-đức.

Không được cùng thân-quyến thể-tục cũng như các trẻ em, ngồi lâu, đứng lâu, cười đùa, chuyện tạp. Cũng không được hỏi những sự phải, trái, tốt, xấu trong họ.

Nếu trời tối, ngủ lại, nên ở riêng một giường, và nên ngồi nhiều, nằm ít, nhất tâm niệm Phật. Việc xong nên về ngay, không được giằng giai việc này qua việc khác.

PHỤ:

Không được liếc ngó bên tả bên hữu. Không được nói chuyện tạp. Nếu nói chuyện cùng nữ-nhân, không được nói thì-thâm và không được nói nhiều.

Không được dối hiện uy-nghi, giả mạo tướng thiên, cầu người cung-kính.

Không được nói bừa về Phật-pháp, đáp loạn những câu hỏi của người, tự khoe là nghe nhiều, cầu người cung-kính.

Không được đưa tặng hộp lễ vật qua lại, bắt chước người thể-tục bạch-y.

Không được cai-quản việc nhà người.

Không được ngồi lẫn trong tiệc rượu.

Không được kết-duyên với người thể-tục bạch-y làm cha mẹ, chị em.

Không được nói những lời làm trong Tăng-chúng.

---o0o---

19. KHÁT-THỰC

Nên cùng đi khát-thực với bậc lão-thành. Nếu không có người cùng đi, nên biết những chỗ đáng đi.

Đến cửa nhà người ta, phải xét kỹ những cử-chỉ, xếp đặt, không được mất uy-nghi.

Nhà không có con trai, không được vào cửa.

Nếu muốn ngồi, trước tiên phải coi xem chỗ ngồi, có đồ đao-binh không nên ngồi, có vật báu không nên ngồi, có áo mền, đồ trang-nghiêm của đàn bà, không nên ngồi.

Khi muốn nói về Kinh, nên biết thời đáng nói và thời không đáng nói.

Không được nói, cho ta đồ ăn, khiến người được phước.

PHỤ:

Phàm khát-thực, không được năn-nỉ và xin hoài.

Không được bàn rộng về lý nhân-quả, mong người ta cúng nhiều.

Được nhiều đừng sinh tham-đắm, được ít đừng sinh tâm lo buồn.

Không được chuyên tới những thí-chủ có tình quen, cũng như những am-viện có tình quen, xin ăn.

---o0o---

20. VÀO NƠI TỤ-LẠC

Không có duyên-sự cần-thiết, không được vào nơi tụ-lạc (làng xóm, đông người ở).

Không được đi mau. Không được đi, tay đưa vát-vẻo. Không được thường thường liếc ngó những nhân-vật đi đường. Không được vừa đi vừa nói cười với Sa-Di và em nhỏ. Không được đi theo trước sau nữ-nhân, cũng không được đi theo trước sau các vị Ni. Không được đi theo trước hay sau người say, người điên. Nên đi tránh.

Không được ngoái về đằng sau nhìn nữ-nhân. Không được ngược mắt nhìn nữ-nhân đi bên.

Khi gặp bậc Tôn-Túc, hay người thân quen biết, đều phải dừng lại một bên đường, trước tiên tỏ ý hỏi thăm.

Hoặc gặp những trò kỳ-quái hý-huyền v.v.. đều không nên xem, cứ ngay mình thẳng theo đường chính mà đi.

Phàm gặp chỗ có hầm nước sâu, bờ nước lở, không được nhảy qua, có đường nên đi quanh, không có đường mà người ta đều nhảy qua, ta cũng nhảy qua, thì được.

Không có bệnh và việc gấp, không được cưỡi ngựa cho đến không được khởi tâm đùa cợt, cầm roi quất ngựa chạy nhanh hoặc chạy chậm.

PHỤ:

Phàm gặp quan-phủ (cơ-quan công-quyền), không cứ lớn, nhỏ, đều nên quanh tránh. Gặp người đánh lộn cũng nên tránh xa, không nên đứng coi.

Về chùa, không được khoe khoang thấy những việc hoa-mỹ trong thành.

---o0o---

21. ĐI CHỢ MUA ĐỒ

Không nên tranh cãi mắc với rẻ. Không nên ngồi nơi hàng nữ-nhân. Nếu bị người ta mua tranh, nên dùng phương-tiện lánh đi, đừng nên cố theo trả giá.

Đã hứa mua vật của người trước, vật của người sau tuy rẻ hơn, cũng không nên bỏ vật của người kia mà lấy vật của người này, làm cho người chủ cũ có sự buồn hận.

Cẩn-thận, không nên đứng bảo-lãnh, đến nỗi mắc nợ người ta.

---o0o---

22. LÀM VIỆC, KHÔNG ĐƯỢC TỰ-DỤNG

Khi ra, vào, đi, lại, trước tiên phải bạch Thầy.

May pháp-y mới, trước phải bạch Thầy. Thê đầu, trước phải bạch Thầy. Yếu đau uống thuốc, trước phải bạch Thầy. Làm việc cúng-tăng, trước phải bạch Thầy. Muốn có các đồ riêng như bút, giấy v.v., trước phải bạch Thầy. Nếu muốn tụng kinh sách, trước phải bạch Thầy. Nếu ai muốn đem cho đồ vật gì, trước phải bạch Thầy, Thầy ưng-thuận rồi sau mới nhận. Muốn đem vật kỷ-niệm cho người khác, trước phải bạch Thầy, Thầy thuận rồi mới được cho.

Người ta đến mình cậy mượn vật chi, trước phải bạch Thầy, Thầy chấp-thuận rồi, sau mới cho. Mình muốn tới chỗ người nào đó mượn vật gì, trước phải bạch Thầy, Thầy thuận thì được đi.

Bạch, Thầy thuận hay không thuận đều phải làm lễ. Thầy không chấp-thuận cũng không được có ý buồn hận.

PHỤ:

Cho đến những việc lớn, hoặc đi du-phương, hoặc đi nghe giảng, hoặc đi nhập-chúng, hoặc đi quản-thu chốn sơn-môn, hoặc có những sự-duyên xây-dựng chùa-cảnh v.v., đều phải bạch Thầy, không được tự-dụng.

---o0o---

23. THAM HỌC PHƯƠNG XA

Đi xa, cần nường vào bạn lành.

Bậc cổ-nhân, tâm-địa chưa thông, không ngại đường xa nghìn dặm để cầu
Thầy học đạo.

PHỤ:

Tuổi nhỏ, giới luật còn ít-ỏi, Thầy chưa cho đi xa. Như có việc phải đi,
không được cùng đi với bọn bất-lương.

Phải tìm Thầy hỏi đạo, để quyết trọn trong việc sinh-tử, thì không nên đi
xem non, ngắm biển, chỉ với mục-đích du-lịch xa rộng, để khoe-khoang với
người.

Đến chỗ nào, để hành-lý bên ngoài, không được mang ngay vào trong chùa.
Một người đứng coi hành-lý một người vào trước thăm hỏi, nắm vững phép-
tắc lui tới của thường-trụ, mới có thể đem hành-lý xếp đặt vào trong.

---o0o---

24. DANH-TƯỚNG Y VÀ BÁT

Y 5 điều, tiếng Phạm gọi là An-Đà-Hội (Antarvāsaka), Trung-Hoa dịch
nghĩa là “Trung-Túc-Y”. Cũng có chỗ gọi là: “Hạ-Y”. Cũng có chỗ gọi là:
“Tập-Tác-Y”.

Phàm, làm việc vất vả trong chùa, đi đường, ra vào, lui tới, nên đắp y này.
Khi đắp y này, đọc bài kệ rằng:

Thiện-tai giải-thoát phục,
Vô-thượng phúc-điền-y.
Ngã kim đỉnh đài thụ,
Thế thế bất xả ly.

Lành thay áo giải-thoát,
Áo, ruộng phúc vô-thượng.
Nay con cúi đầu nhận,
Đời đời không lìa bỏ.

ÚM TẮT ĐÀ DA SA-BÀ-HA. (3 lần)

Y 7 điều, tiếng Phạm gọi là: “Uất-Đa-La-Tăng” (Uttarāsangta), Trung-Hoa
dịch nghĩa là “Thượng-Trước-Y”. Cũng gọi là “Nhập-Chúng-Y”.

Phàm, lễ Phật, sám-hối, tụng kinh, tọa thiền, phó trai, nghe giảng, Bồ-Tát, tự-tứ, nên đắp y này. Khi đắp y này đọc bài kệ rằng:

Thiện-tai giải-thoát phục,
Vô-thượng phúc-điền-y.
Ngã kim đỉnh đái thụ,
Thế thế thường đắc phi.

Lành thay áo giải-thoát,
Áo, ruộng phúc vô-thượng.
Nay con cúi đầu nhận,
Đời đời thường được mặc.
ÚM ĐỘ BA ĐỘ BA SA-BÀ-HA. (3 lần)

Y 25 điều, tiếng Phạm gọi là “Tăng-Già-Lê” (Sanghàti), Trung-Hoa dịch nghĩa là “Hiệp-Y”. Cũng dịch là “Trùng-Y”. Cũng dịch là “Tập-Toái-Y”. Vì điều-số của nó nhiều vậy.

Phàm, khi vào cung nhà vua, lên tòa thuyết pháp, đi vào nơi tự-lạc, đi khất-thực, nên đắp y này.

Y này có 9 phẩm:

Hạ-phẩm có 3: 9 điều, 11 điều và 13 điều. Trong mỗi một điều có 2 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Trung-phẩm có 3: 15 điều, 17 điều và 19 điều. Trong mỗi một điều có 3 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Thượng-phẩm có 3: 21 điều, 23 điều và 25 điều. Trong mỗi một điều có 4 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

Khi đắp y này, đọc bài kệ rằng:

Thiện-tai giải-thoát-phục,
Vô-thượng phúc-điền-y.
Ngã kim đỉnh đái thụ,
Quảng-độ chư quần mê.

Lành thay áo giải-thoát,
Áo, ruộng phúc vô-thượng.
Nay con cúi đầu nhận,

Rộng độ các loài mê.

Úm, ma ha ca bà ba, tra tất đế, sa-bà-ha. (3 lần)

BÁT, tiếng Phạm gọi là Bát-đa-la(Pàtra), Trung-Hoa dịch nghĩa là “Ứng-lượng-khí”. Nghĩa là, Thễ, Sắc, Lượng, ba thứ ấy đều đúng như pháp.

Thễ của nó làm bằng hai vật sành và sắt.

Sắc của nó, lấy các thứ thuốc, đốt lửa, có khói, xông vào thành hoại-sắc.

Bát sắt, dùng hạt hạnh-nhân, hạt mè với cám nếp v.v..., đốt lửa có khói, xông thành sắc đen xám, sắc chim bồ-câu, hoặc như sắc lông cổ con chim sẻ.

Lượng của bát thì chia làm thượng, trung, hạ: Bát bậc thượng đựng khoảng một đấu. Bát bậc hạ đựng khoảng năm thăng. Khoảng giữa của hai bậc trên gọi là bát bậc trung.

TỌA-CỤ, tiếng Phạm gọi là “Ni-Sur-Đàn” (Nisidana), Trung-Hoa dịch nghĩa là “Tọa-Cụ”. Cũng gọi là “Tùy-Túc-Y”.

Khi trải tọa-cụ, đọc bài kệ rằng:

Tọa-Cụ Ni-Sur-Đàn,

Trưởng-duỡng tâm-miêu-tính.

Triển-khai đấng Thánh-địa,

Phụng-trì Như-Lai mệnh.

(Đồ ngời: Ni-Sur-Đàn,

Nuôi lớn mầm tâm-tính.

Khơi mở lên cõi Thánh,

Vâng giữ mệnh Như-Lai.)

ÚM, ĐÀN BA, ĐÀN BA, SA-BÀ-HA. (3 lần)

---o0o---

HẾT

¹ *Cụ-Túc: Túc là giới Tỳ-Khuru.*

² *Năm Chúng Xuất-Gia: Túc là Sa-Di, Sa-Di-Ni, Thức-Xoa-Ma-Na, Tỳ-Khuru, Tỳ-Khuru-Ni.*

³ Hạ: Người xuất-gia không lấy năm của đời làm tuổi. Mỗi năm có 3 tháng an-cư kết Hạ, các vị Tỳ-Khưu tinh-tiến tu-hành được viên-mãn cho tới ngày tự-tứ, được thêm một tuổi, gọi là tuổi Hạ (Hạ-lạp).

⁴ *Ba mươi sáu lỗi: Nhân uống rượu mà phạm 36 lỗi. Kinh Thiện Ác Sở Khởi nói: 1/ Cửa cải hao mất. 2/ Hiện-tại nhiều tật-bệnh. 3/ Khi say đánh lộn với người. 4/ Thêm nhiều sự sát hại. 5/ Tăng thêm lòng giận-dữ. 6/ Nhiều việc không toại-ý. 7/ Trí-tuệ dần kém. 8/ Phúc-đức không thêm. 9/ Phúc-đức càng giảm. 10/ Tiết-lộ chuyện kín. 11/ Sự-nghiệp không thành. 12/ Thêm việc ưu-khổ. 13/ Các căn mê-muội. 14/ Nhớ-nhuốc cho cha mẹ. 15/ Không kính bậc Sa-Môn. 16/ Không tin người tu phạm-hạnh. 17/ Không kính Phật. 18/ Không kính Pháp và Tăng. 19/ Gân bạn ác. 20/ Xa bạn lành. 21/ Bỏ việc ăn uống. 22/ Thân-thể trần-truồng. 23/ Việc dâm-dục lầy-lùng. 24/ Nhiều người không ưa. 25/ Nói cười lả-lướt. 26/ Cha mẹ không mừng. 27/ Bà con ghét bỏ. 28/ Hay làm việc phi-pháp. 29/ Xa-lìa chính-pháp. 30/ Không kính bậc hiền-thiện. 31/ Trái phạm nhiều tội-lỗi. 32/ Xa-lìa đạo Niết-Bàn. 33/ Điên-cuồng khát-khưởng. 34/ Tán-loạn thân tâm. 35/ Buông-lung tâm ác. 36/ Thân hoại, mệnh mất đọa vào địa-ngục lớn, chịu khổ khôn cùng.*

⁵ *Bảy thứ châu báu: Tức là vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê, xà-cừ, san-hô, hổ-phách.*